TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 - NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2025/HNGĐ-ST
Ngày 27 - 11 - 2025
V/v: "Tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Ngân.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Mơ và ông Lưu Văn Ninh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 5 - Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 142/2025/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2025, về việc "Kiện xin ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Đỗ Việt C, sinh năm 1978

Địa chỉ: Số nhà 21 ngõ 52, Ngô Sỹ Liên, tổ 12D, phường P, tỉnh Ninh Bình.

Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Quân khu II - Bộ Quốc phòng.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1981

Địa chỉ: Số nhà 21 ngõ 52, Ngô Sỹ Liên, tổ 12D, phường P, tỉnh Ninh Bình.

(Phiên tòa vắng mặt anh Đỗ Việt C, chị Nguyễn Thị Thu H có lý do).

NHẬN THẤY

* Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và tại bản tự khai, nguyên đơn anh Đỗ Việt C trình bày:

Anh kết hôn với chị Nguyễn Thị Thu H vào ngày 25 tháng 9 năm 2004, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục và có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố P, tỉnh Hà Nam (nay là phường P, tỉnh Ninh Bình). Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Anh chị đã sống ly thân nhau từ đầu năm 2025 đến nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị H.

- Về con chung: Vợ chồng anh chị có 02 con chung là cháu Đỗ Thị Minh P, sinh ngày 06/5/2006 và cháu Đỗ Minh Q, sinh ngày 23/10/2012, hiện cháu P đã trưởng thành, trên 18 tuổi nên khi ly hôn anh không đề nghị Tòa án giải quyết;

đối với cháu Q hiện đang ở với chị H, ly hôn anh đề nghị Tòa án giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu. Do anh đang bị tạm giam tại trại tạm giam Quân khu 2 - Bộ Quốc phòng nên anh không có điều kiện để cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H.

- Về con nuôi, con riêng: Không có, không đề nghị giải quyết.

- Về tài sản chung và công nợ chung: Anh không đề nghị Toà án giải quyết.

* Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Nguyễn Thị Thu H trình bày:

Chị và anh Đỗ Việt C kết hôn với nhau vào ngày 25 tháng 9 năm 2004, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố P, tỉnh Hà Nam (nay là UBND phường P, tỉnh Ninh Bình). Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Vợ chồng anh chị đã sống ly thân nhau từ tháng 01/2025 đến nay, không quan tâm đến nhau cũng không ai còn quan tâm đến cuộc sống của vợ chồng. Nay Anh C xin ly hôn, chị cũng nhất trí ly hôn anh C.

- Về con chung: Vợ chồng anh chị có 02 con chung là cháu Đỗ Thị Minh P, sinh ngày 06/5/2006 và cháu Đỗ Minh Q, sinh ngày 23/10/2012, hiện cháu P đã đủ tuổi trưởng thành nên cháu ở với ai là tùy cháu, chị không đề nghị Tòa án giải quyết. Đối với cháu Q hiện đang ở với chị, khi ly hôn chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu, chị không yêu cầu anh C đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về con nuôi, con riêng: Không có, không đề nghị giải quyết.

- Về tài sản chung và công nợ chung: Không đề nghị Toà án giải quyết.

* Quan điểm của cháu Đỗ Minh Q: Cháu là con đẻ của bố Đỗ Mạnh C và mẹ Nguyễn Thị Thu H. Trường hợp bố mẹ cháu ly hôn thì nguyện vọng của cháu mong muốn được ở với mẹ.

* Tại phiên toà:

- Nguyên đơn anh Đỗ Việt C và bị đơn chị Nguyễn Thị Thu H vắng mặt và đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (viết tắt là HĐXX), những người tham gia tố tụng; ý kiến về việc giải quyết vụ án.

+ Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, HĐXX và Thư ký từ khi thụ lý cho đến trước khi nghị án thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về thẩm quyền và trình tự thủ tục của giai đoạn xét xử sơ thẩm.

+ Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX xem xét, quyết định:

Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 68, 144, 147, 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Luật phí và lệ phí

số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đỗ Việt C. Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Đỗ Việt C và chị Nguyễn Thị Thu H.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Đỗ Minh Q, sinh ngày 23/10/2012. Anh Đỗ Việt C không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Án phí ly hôn sơ thẩm: Các đương sự phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Bị đơn Nguyễn Thị Thu H có hộ khẩu thường trú tại tổ 12D, phường P, tỉnh Ninh Bình. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025) thì vụ án "Tranh chấp kiện ly hôn, nuôi con chung" giữa anh Đỗ Việt C và chị Nguyễn Thị Thu H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Ninh Bình.

[2] Về xét xử vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn anh Đỗ Việt C và bị đơn chị Nguyễn Thị Thu H vắng mặt và đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[3] Về nội dung: Anh Đỗ Việt C và chị Nguyễn Thị Thu H kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 25 tháng 9 năm 2004 tại UBND phường T, thành phố P, tỉnh Hà Nam (nay là phường P, tỉnh Ninh Bình), đã thoả mãn các điều kiện, trình tự thủ tục kết hôn được Luật Hôn nhân và gia đình bảo vệ.

Xét yêu cầu xin ly hôn của anh Đỗ Việt C, HĐXX thấy rằng:

Sau kết hôn anh C và chị H chung sống hoà thuận hạnh phúc đến năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Vợ chồng anh chị đã sống ly thân nhau từ đầu năm 2025 đến nay, không quan tâm đến cuộc sống chung của vợ chồng. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cả anh C và chị H đều xác định tình cảm vợ chồng không còn và đều đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn. Do đó, cần xử công nhận thuận tình ly hôn giữa anh C và chị H là phù hợp với thực tế và phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Vợ chồng anh chị có 02 con chung là cháu Đỗ Thị Minh P, sinh ngày 06/5/2006 (con gái) và cháu Đỗ Minh Q, sinh ngày 23/10/2012 (con trai), hiện cháu P đã đủ tuổi trưởng thành nên anh chị không đề nghị Tòa án giải quyết. Khi ly hôn, anh C và chị H thống nhất giao cháu Q cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy cháu Q đang ở với chị H, được chị H chăm sóc rất tốt, nguyện vọng của cháu

Q mong muốn được ở với mẹ nên cần chấp nhận sự thỏa thuận của anh chị, giao cháu Q cho chị H nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế và phù hợp với các Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về con nuôi, con riêng: Không có, anh C và chị H không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét.

[6] Về tài sản chung: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[7] Công nợ chung: Không có, anh chị không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[8] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Đỗ Việt C và chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu theo quy định của pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được thực hiện quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 143, 144, 147, 227, 228, 238, 271, 273, 278, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

Căn cứ các Điều 51, 55, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Xử cho ly hôn giữa anh Đỗ Việt C và chị Nguyễn Thị Thu H.

2/ Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Thu H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Đỗ Minh Q, sinh ngày 23/10/2012, kể từ khi ly hôn cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Toà án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3/ Án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Đỗ Việt C và chị Nguyễn Thị Thu H, mỗi người phải nộp 75.000đ (bảy mươi lăm nghìn đồng).

Đối trừ với số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) mà anh C đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0002070 ngày 22/10/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình, anh C được nhận lại số tiền 225.000đ (hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Án xử công khai sơ thẩm, anh Đỗ Việt C và chị Nguyễn Thị Thu H vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND khu vực 5 - Ninh Bình;
- THADS tỉnh Ninh Bình;
- UBND phường Phủ Lý, Ninh Bình;
(ĐKKH ngày 25/9/2004)
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Thị Kim Ngân